

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KON RẪY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TH

Kon Rẫy, ngày tháng năm

V/v rà soát chỉ tiêu, hệ thống sơ đồ, bản đồ Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 so với chỉ tiêu, bản đồ quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Kon Rẫy

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh.

Căn cứ Công văn số 227/STNMT-QHKHSDD ngày 23/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum về việc phối hợp rà soát, hoàn thiện Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ủy ban nhân dân huyện đã rà soát và có ý kiến, cụ thể như sau:

I. Về chỉ tiêu sử dụng đất

1. Đất nông nghiệp

+ Chỉ tiêu đất nông nghiệp theo quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thời kỳ 2021-2030 là: 86.638 ha.

+ Chỉ tiêu đất nông nghiệp được xác định theo quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 là: 85.757,87ha.

+ Chỉ tiêu đất nông nghiệp được cấp huyện xác định thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh là: **880,13ha.**

2. Đất phi nông nghiệp

+ Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp theo quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thời kỳ 2021-2030 là: 4.631ha.

+ Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp được xác định theo quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 là: 5.566,17ha.

+ Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp được cấp huyện xác định cao hơn so với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh là: **935,17ha.**

3. Đất chưa sử dụng

+ Chỉ tiêu đất chưa sử dụng theo quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thời kỳ 2021-2030 là: 121ha.

+ Chỉ tiêu đất chưa sử dụng được xác định theo quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 là: 66,30ha.

+ Chỉ tiêu đất chưa sử dụng được cấp huyện xác định thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh là: **54,70ha.**

(Chi tiết Phụ lục số 01 kèm theo)

II. Về bản đồ quy hoạch sử dụng đất

Sau khi rà soát hệ thống sơ đồ, bản đồ Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 so với chỉ tiêu, bản đồ quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Kon Rẫy, bản đồ kế hoạch sử dụng đất các năm 2021, 2022, 2023 và năm 2024. UBND huyện Kon Rẫy cập nhật bổ sung một số công trình dự án trên địa bàn huyện cụ thể:

1. Vị trí, diện tích 03 điểm mỏ đồng: 263,1 ha (*Thôn Kon Rá, Kon Lung xã Đăk Tô Lung và Thôn Kon Nhên, xã Đăk Ruồng*).

2. Mỏ Dolomit Kon Go, xã Đăk Pnê: 109 ha.

3. Mỏ Felspat Đăk Rve: 75 ha.

4. Trường bắn, thao trường huấn luyện BCH quân sự huyện: 114 ha (*Thôn Kon Lung, xã Đăk Tô Lung*).

5. Quy hoạch khu du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng Đèo Măng Đen.

6. Đường giao thông từ xã Đăk Pnê, Kon Rẫy đi huyện Kbang tỉnh Gia Lai.

7. Mặt bằng sân công nghiệp các mỏ của các tổ chức đã trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

- Công ty TNHH Phú Thành Tiến Phát tại xã Đăk Tô Lung.

- Công ty TNHH Tây Tiến tại xã Đăk Tô Re.

- Công ty Cổ phần Trường Nhật tại xã Đăk Tô Re.

- Công ty TNHH ĐTKT Khoáng sản Thái Sơn tại xã Đăk Ruồng và Tân Lập.

- Công ty Cổ phần Sinh Lợi Kon Tum tại xã Đăk Ruồng.

- Công ty TNHH NNB Kon Tum tại xã Tân Lập.

8. Nhà máy xử lý và tái chế rác thải Kon Rẫy, diện tích 4,9 ha tại thôn Đak Ố Nglăng, xã Đăk Tô Re.

9. Thể hiện quy hoạch chi tiết 1/500 Quy hoạch xây dựng khu trung tâm huyện lỵ tại xã Tân Lập, Đăk Ruồng và Quy hoạch xây dựng khu trung tâm thị trấn Đăk Rve.

10. Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Kon Tum. Hợp phần 1: Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi đập ông Dân xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy.

11. Dự án Trồng cây ăn quả công nghệ cao tại huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

12. Quy hoạch đất trụ sở công an các xã trên địa bàn huyện.

13. Quy hoạch các Trạm thu mua nông sản trên địa bàn huyện.

14. Mở rộng nâng cấp nghĩa trang nhân dân huyện Kon Rẫy và nghĩa trang nhân dân Đăk Ruồng - Tân Lập.

*(có hệ thống bản đồ khoanh vùng quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030
huyện Kon Rẫy chồng lớp bản đồ Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050 kèm theo)*

UBND huyện Kon Rẫy báo đề Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh tổng
hợp, tham mưu UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên (b/c);
- Sở Kế hoạch - đầu tư tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thủy

Phụ lục số 01: Bảng so sánh Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Kon Rẫy

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Quy hoạch Tỉnh đến năm 2030	Quy hoạch huyện đến năm 2030	Tăng (+); Giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5-4)
	Tổng diện tích tự nhiên		91.390,34	91.390,34	
1	Đất nông nghiệp	NNP	86638	85.757,87	-880,13
1.1	Đất trồng lúa	LUA	943	941,27	-1,73
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	8608	10.111,03	1.503,03
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	17475	17.616,45	141,45
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	54509	47.010,76	-7.498,24
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4631	5.566,17	935,17
2.1	Đất quốc phòng	CQP	224	269,12	45,12
2.2	Đất an ninh	CAN	4	3,44	-0,56
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	30	50,00	20,00
2.4	Đất thương mại dịch vụ	TMD	31	169,14	138,14
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	92	162,29	70,29
2.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	149	149,00	
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2801	2.911,87	110,87
-	Đất giao thông	DGT	839	866,67	27,67
-	Đất thủy lợi	DTL	421	443,37	22,37
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	4	2,75	-1,25
-	Đất cơ sở y tế	DYT	11	6,02	-4,98
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	61	39,39	-21,61
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	14	18,49	4,49
-	Đất công trình năng lượng	DNL	1359	1.430,52	71,52
-	Đất công trình bưu chính VT	DBV	7	7,25	0,25
-	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	7	7,30	0,30
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	13	23,97	10,97
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	3	3,06	0,06
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	54	59,91	5,91
2.8	Đất ở tại nông thôn	ONT	317	428,07	111,07
2.9	Đất ở tại đô thị	ODT	101	125,62	24,62
2.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18	17,50	-0,50
2.11	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	DTS	6	5,95	-0,05
3	Đất chưa sử dụng	CSD	121	66,30	-54,70